TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05-01-2023
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Nguyễn Phương Ch

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kham L

2. Ông Trần Quang H

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh K - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Kim Th - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Bùi Thị Cẩm X (Bé), sinh năm: 1987 *(có mặt)*

Địa chỉ: số nhà 07, đường Nhà Đồ, tổ 5, ấp Phú Ân, xã Phước L, huyện Cần G, tỉnh Long An

2. Bị đơn: ông Trần Minh M, sinh năm: 1987 *(vắng mặt không lý do)*

Địa chỉ: ấp Cây Sao, xã Tân L, huyện Tân T, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - bà Bùi Thị Cẩm X trình bày:

Bà và ông Trần Minh M chung sống với nhau từ năm 2007, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước L, huyện Cần G, tỉnh Long An vào ngày 21/01/2008. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Vợ chồng bà sinh sống tại quê của bà ở ấp Phú Ân, xã Phước L, huyện Cần G, tỉnh Long An. Đến khoảng năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mâu

thuẫn về kinh tế, tài chính, việc chi tiêu tiền bạc trong gia đình, thu nhập không ổn định nhưng phải chi phí nhiều cho cuộc sống chung vợ chồng và chăm lo nuôi dưỡng hai con chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Đỉnh điểm là từ năm 2012 cho đến nay, bà và ông M đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi. Ông M về quê tại ấp Cây Sao, xã Tân L, huyện Tân T, tỉnh Long An sống chung nhà với mẹ ruột ông M. Còn bà cùng hai con vẫn sinh sống tại ấp Phú Ân, xã Phước L, huyện Cần G, tỉnh Long An. Trong thời gian dài bà và ông M không liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống lẫn nhau. Bà và ông M không có ý định hàn gắn lại cuộc hôn nhân này mà cứ bỏ mặc theo thời gian. Nay bà xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông M.

- Về con chung: Bà và ông M có hai con chung tên Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 19/8/2008 và Trần Minh T, sinh ngày 28/5/2011. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Minh M vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Ông M không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà X.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày như đã nêu trên, bị đơn vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn: chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn: chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Cẩm X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về việc ly hôn giữa nguyên đơn Bùi Thị Cẩm X với bị đơn Trần Minh M là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn Trần Minh M vắng mặt không lý do. Ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Ông M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông M vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Ông M cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình

đối với yêu cầu của người khởi kiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà X và ông M chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước L, huyện Cần G, tỉnh Long An vào ngày 21/01/2008 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà X thì trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về kinh tế, tài chính trong gia đình dẫn đến thường X cãi vã nhau làm cho hôn nhân không còn hạnh phúc. Do có nhiều mâu thuẫn nên bà X và ông M đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, bà X và ông M mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà X và ông M không có thiện chí và giải pháp hữu hiệu nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng ông M đã vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Ngoài ra, theo biên bản xác minh của Tòa án, bà Tô Thị Lưu là mẹ ruột ông M trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng bà X - ông M phát sinh mâu thuẫn, do ông M đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng nhạt dần. Bà X và ông M ly thân 10 năm nay. Khi vợ chồng bà X - ông M xảy ra nhiều mâu thuẫn thì gia đình đã động viên vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Tại phiên tòa, bà X không đồng ý đoàn tụ gia đình mà kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của bà X và ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, bà X được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà X và ông M có hai con chung tên Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 19/8/2008 và Trần Minh T, sinh ngày 28/5/2011. Khi ly hôn, bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hai con chung do bà X trực tiếp nuôi dưỡng từ bé cho đến hiện nay. Bà X có nghề buôn bán, thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con chung. Theo văn bản ghi ý kiến của hai con chung thì hai con chung có nguyện vọng sống chung với mẹ. Ông M không cung cấp ý kiến tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao hai con chung cho bà X được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà X không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà X nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà X trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông M không cung cấp ý kiến tranh chấp về tài sản chung và nợ chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Cẩm X.

Bà Bùi Thị Cẩm X được ly hôn với ông Trần Minh M.

Về con chung: Bà Bùi Thị Cẩm X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên: Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 19/8/2008 và Trần Minh T, sinh ngày 28/5/2011. Ông Trần Minh M không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Sau khi ly hôn, ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Bùi Thị Cẩm X có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp theo biên lai thu số 0004419 ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang án phí, bà X không phải nộp thêm. Ông Trần Minh M không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- TAND tỉnh Long An;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Nguyễn Phương Ch